



róu lìn

蹂

verb · to trample on; to oppress (variant of 蹂躏)

Example Sentences

qīn lüè jūn róu lìn le zhè piàn tǔ dì
侵略军蹂 了这片土地。

The invading army trampled on this land.

bào jūn róu lìn bǎi xìng duō nián
暴君蹂 百姓多年。

The tyrant oppressed the people for many years.

róu lìn shì róu lìn de yì tǐ zì yì sì xiāng tóng
蹂 是蹂躏的异体字，意思相 同。

𪚩 is a variant of 蹂 , meaning to trample on or oppress.

Trace each character, then write the word on your own.

蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂
蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂	蹂			